Nội dung hướng dẫn giải Unit 2 Lesson 2 Learn more Smart trang 26 được chúng tôi biên soạn bám sát nội dung lý thuyết và bài tập bộ sách Tiếng Anh lớp 3 chương trình mới. Hy vọng đây sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích giúp các em học tốt môn Tiếng Anh 3.

Tiếng Anh 3 Unit 2 Lesson 2

1. Listen and repeat.

(Nghe và lặp lại.)

Lời giải chi tiết:

balloon: *bóng bay*

helicopter: *máy bay trực thăng*

teddy bear : *gấu bông*

boat: *thuyền*

2. Listen and read.

(Nghe và đọc.)

Lời giải chi tiết:

I have got a boat. *(Tôi có một chiếc thuyền.)*

I haven't got any boats. *(Tôi không có chiếc thuyền nào cả.)*

I have got two teddy bears. *(Tôi có 2 con gấu bông.)*

I haven't got any teddy bears. *(Tôi không có con gấu bông nào cả.)*

3. Let's say.

(Hãy nói.)

Phương pháp giải:

I have got ___. *(Tôi có ___.)*

I haven't got any ___. *(Tôi không có ____.)*

(have not got = haven't got)

Lời giải chi tiết:

I have got a balloon. *(Tôi có một quả bóng bay.)*

I haven't got any boats. *(Tôi không có chiếc thuyền nào cả.)*

I have got three teddy bears. *(Tôi có 3 con gấu bông.)*

I have got a helicopter. *(Tôi có một chiếc máy bay trực thăng.)*

4. Write the words.

(Viết các từ.)

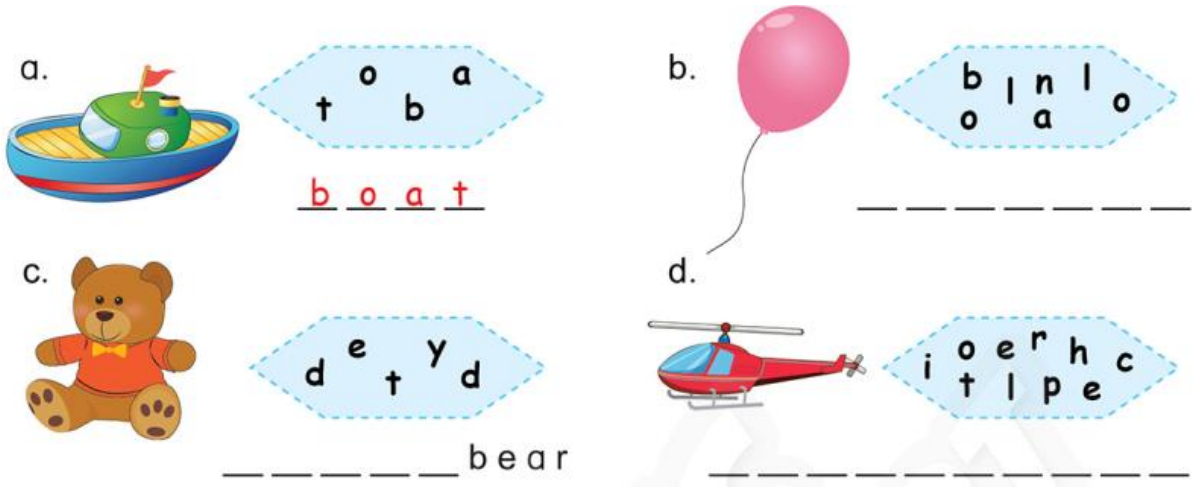

Lời giải chi tiết:

a. boat *(thuyền)*

b. balloon *(bóng bay)*

c. teddy bear *(gấu bông)*

d. helicopter *(máy bay trực thăng)*

5. Listen and circle the toys they have got.

(Nghe và khoanh tròn đồ chơi mà họ có.)

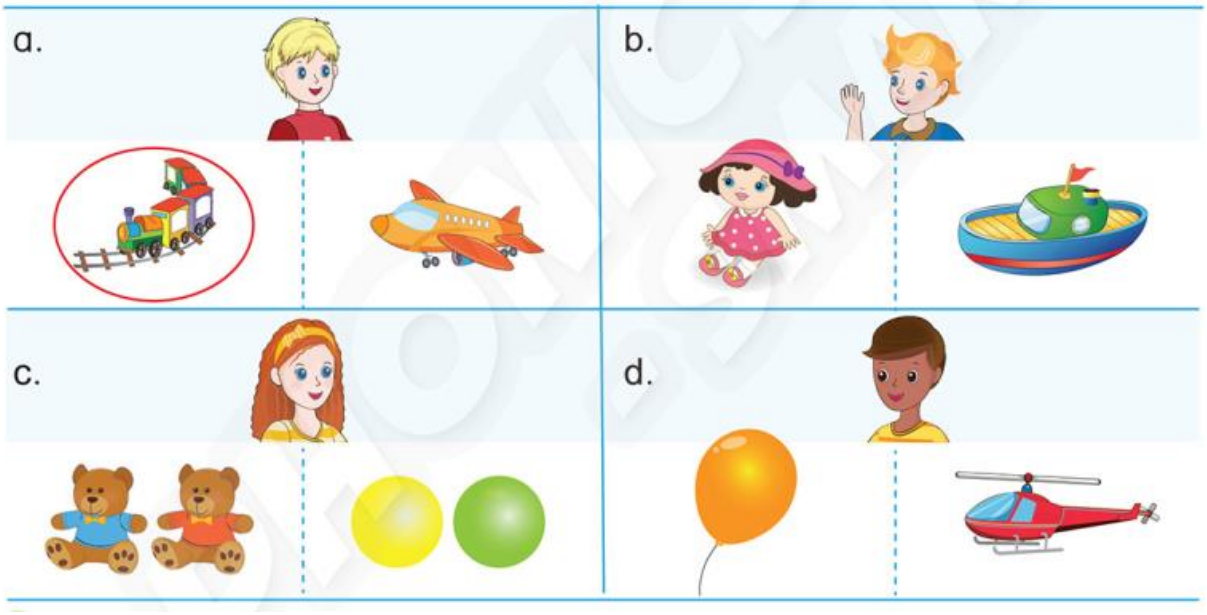

Lời giải chi tiết:

Đang cập nhật!

6. Draw your toys and say.

(Vẽ những món đồ chơi của bạn và nói.)

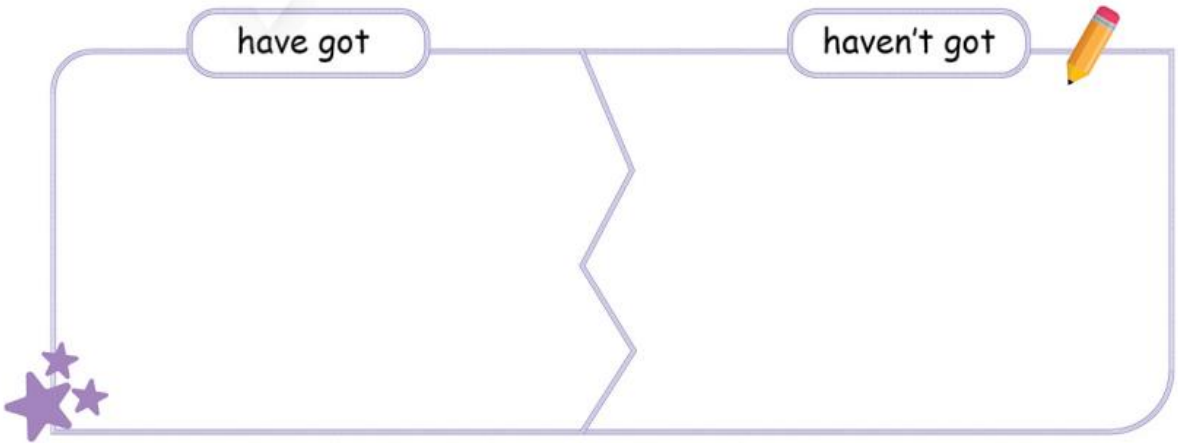

Phương pháp giải:

*Vẽ

*Nói

Lời giải chi tiết:

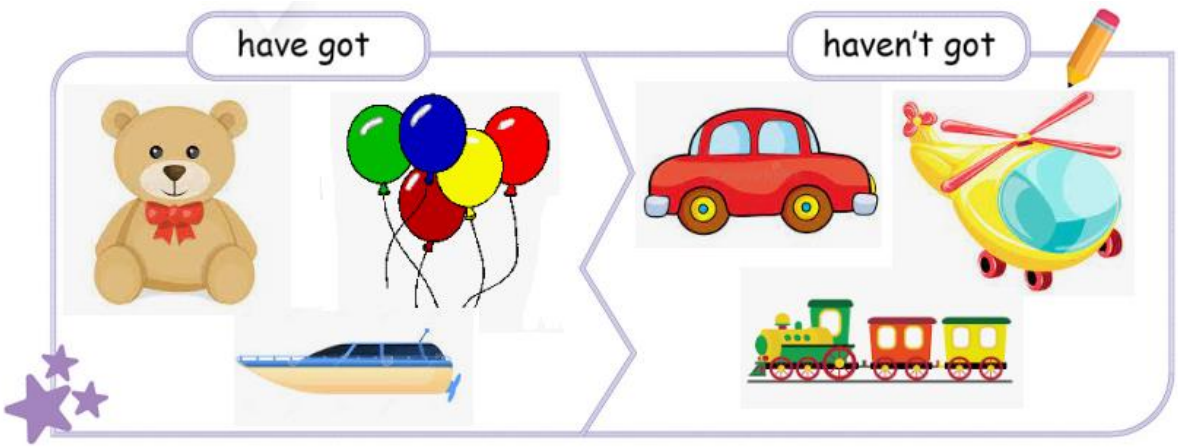

- have got *(có)*

I have got a teddy bear. *(Tôi có một con gấu bông.)*

I have got five balloons. *(Tôi có 5 quả bóng bay.)*

I have got a boat. *(Tôi có một chiếc thuyền.)*

- haven't got *(không có)*

I haven't got any cars. *(Tôi không có chiếc xe ô tô nào cả.)*

I haven't got any trains. *(Tôi không có tàu hỏa nào cả.)*

I haven't got any helicopters. *(Tôi không có chiếc máy bay trực thăng nào cả.)*